

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2018/HNGĐ - ST

Ngày 20 - 9 - 2018

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Tấn Liêm**

Ông **Bùi Hữu Khánh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Tố C** – sinh năm 1984 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp N, thị trấn C, huyện C, tỉnh CM

- Bị đơn: Anh **Lê Hoàng N** – sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp N, thị trấn C, huyện C, tỉnh CM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa chị Huỳnh Tố C trình bày:

Về Hôn nhân: Chị Huỳnh Tố C và anh Lê Hoàng N chung sống với nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn, sau đó vào ngày 20 tháng 08 năm 2007 mới đến Ủy ban nhân dân thị trấn C đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, từ năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau. Trong cuộc sống gia đình hàng ngày vợ chồng mất lòng tin với nhau, mối quan hệ vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Nay chị C xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể kéo dài cuộc sống chung. Nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng N.

Về con chung: Chị Huỳnh Tố C xác định vợ chồng có hai con chung tên Lê Huỳnh Đ - sinh ngày 18 tháng 01 năm 2002 và Lê Hoàng Đ, sinh ngày 10

tháng 12 năm 2010, hiện tại hai cháu đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Tố C xác định thời gian chung sống vợ chồng làm ăn không thuận lợi nên không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị Huỳnh Tố C xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Huỳnh Tố C và anh Lê Hoàng N là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Lê Hoàng N và chị Huỳnh Tố C có địa chỉ cư trú tại ấp Ngọc Tuấn, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Tố C và anh Lê Hoàng N chung sống với nhau vào năm 2002 đăng ký kết hôn vào năm 2007. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Huỳnh Tố C có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Huỳnh Tố C đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên anh Lê Hoàng N đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải cùng với chị Huỳnh Tố C. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Hoàng N và chị Huỳnh Tố C được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật dân sự. Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định và đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Hoàng N. Việc anh N không đến phiên tòa để tham gia hòa giải và không đến Tòa án để tham gia tố tụng khi Tòa án triệu tập để xét xử đến lần thứ hai hợp lệ. Điều này cho thấy anh Lê Hoàng N không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình với chị Huỳnh Tố C, từ đó Tòa án nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Tòa án

chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Tố C đối với anh Lê Hoàng N. Cho chị Huỳnh Tố C được ly hôn với anh Lê Hoàng N.

Về con chung: Chị Huỳnh Tố C xác định anh, chị có hai con chung tên Lê Huỳnh Đ - sinh ngày 18 tháng 01 năm 2002 và Lê Hoàng Đ, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010, khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Do cháu Đ, sinh năm 2002 và cháu Đ, sinh năm 2010 đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì phải xem xét nguyện vọng của cháu xem cháu có nguyện vọng sống với ai khi cha, mẹ cháu ly hôn, cháu Đ và cháu Đ có nguyện vọng được sống với mẹ, nguyện vọng của các cháu phù hợp với quy định của pháp luật. Nên Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau ly hôn quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Lê Huỳnh Đ - sinh ngày 18 tháng 01 năm 2002 và Lê Hoàng Đ, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010 cho chị Huỳnh Tố C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Lê Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị Huỳnh Tố C xác định vợ chồng không có tài sản chung và anh N không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Huỳnh Tố C. Nên Tòa án không xem xét việc chia tài sản chung của chị Huỳnh Tố C và anh Lê Hoàng N tại vụ án này.

[4] Về nợ chung: Chị Huỳnh Tố C xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Nếu sau này chị C và anh N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì anh N và chị C đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Huỳnh Tố C phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Các điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Huỳnh Tố C** được ly hôn với anh **Lê Hoàng N**.

[2] Về con chung: Giao cháu **Lê Huỳnh Đ** - sinh ngày 18 tháng 01 năm 2002 và **Lê Hoàng Đ**, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010 cho chị Huỳnh Tố C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Lê Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị Huỳnh Tố C xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Chị Huỳnh Tố C xác định chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Nếu sau này chị C và anh N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì anh N và chị C có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Huỳnh Tố C phải nộp 300.000 đồng. Chị Huỳnh Tố C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004520 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Huỳnh Tố C đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hoàng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND thị trấn Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết